

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-11-2021

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân Thường

Bà Hồ Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2021/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1993;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm 7, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện nay: Waldstr.50-12529 Schönefeld, Berlin, Cộng hòa liên bang Đức; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1988;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm 7, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện nay: Vesaliusstr.14 -13187, Berlin, Cộng hòa liên bang Đức; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971;

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973;

Cùng cư trú tại địa chỉ: Xóm 6A, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt, giấy ủy quyền (có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức) nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân H kết hôn với nhau vào ngày 24 tháng 3 năm 2014, do hai bên hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 10/2019, chị M đi xuất khẩu lao động sang Cộng hòa liên bang Đức. Sau khi ra nước ngoài một thời gian ngắn thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống xa cách, vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng dần mất đi. Đến cuối tháng 5/2021, anh H cũng sang Cộng hòa liên bang Đức để làm ăn. Nhưng khi sang Đức được 05 ngày thì anh H vẫn tiếp tục gây sự, ghi ngờ ghen tuông mù quáng, xúc phạm chị nhiều hơn. Do không thể chịu đựng được nên chị phải đi thuê nhà nơi khác để ở và làm ăn. Từ đó đến nay, vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ. Hiện tại chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nếu kéo dài thì cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân H.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Xuân H có 02 con chung Nguyễn Bảo D, sinh ngày 15/8/2014 và Nguyễn Bảo P, sinh ngày 31/8/2017. Hiện các con chung đang được bố mẹ chị là ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T, địa chỉ cư trú: Xóm 6A, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, nguyện vọng của chị là được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh Nguyễn Xuân H phải cấp dưỡng nuôi con vì anh H mới sang Đức làm ăn nên chưa có điều kiện kinh tế. Về phía chị đã điện thoại cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T nhờ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu trong thời gian chị đang ở nước ngoài thì ông bà nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị M đang cư trú và làm việc tại Cộng hòa liên bang Đức; do dịch bệnh Covid 19, diễn biến phức tạp nên chị không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án trực tiếp giải quyết việc ly hôn. Do đó, chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vụ án vắng mặt chị. Đồng thời, chị ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H, nộp đơn ly hôn, tài liệu, nhận các văn bản của Tòa án và có trách nhiệm thông báo, gửi cho chị.

Theo bản tự khai, đơn xin vắng mặt (có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức) bị đơn anh Nguyễn Xuân H trình bày:

Anh đã biết chị Nguyễn Thị M làm đơn ly hôn nộp cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Anh đã nhận được các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc ly hôn. Anh và chị M kết hôn với nhau vào ngày 24 tháng 3 năm 2014 do hai bên hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2019, chị M đi xuất khẩu lao động sang Cộng hòa liên bang Đức một thời gian thì anh nghi ngờ chị M có quan hệ với người khác nên vợ chồng đã xúc phạm lẫn nhau. Đến cuối tháng 5/2021, anh cũng sang Đức làm ăn cùng chị M với hy vọng vợ chồng sống gần nhau sẽ hiểu và thông cảm cho nhau hơn. Tuy nhiên, sau khi sang Đức được một tuần thì vợ chồng xảy ra xung đột nên chị M đã bỏ nhà đi nơi khác sinh sống. Từ đó đến nay, vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ. Hiện tại, anh H cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, nếu kéo dài thì cuộc sống vợ chồng sẽ không có hạnh phúc nên chị M làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị M có 02 con chung Nguyễn Bảo D, sinh ngày 15/8/2014 và Nguyễn Bảo P, sinh ngày 31/8/2017. Hiện các con chung đang được bố mẹ chị M là ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện tại, anh đang rất khó khăn về kinh tế nên chị M không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con. Sau này có điều kiện anh sẽ có trách nhiệm với các con đầy đủ hơn.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại, anh Nguyễn Xuân H đang cư trú và làm việc tại Cộng hòa liên bang Đức; do dịch bệnh Covid 19, diễn biến phức tạp nên anh không có điều kiện về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn. Do đó, anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vụ án vắng mặt anh. Đồng thời, anh nhờ mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Quyền, sinh năm 1964, địa chỉ cư trú: Xóm 7, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An nộp tài liệu, nhận các văn bản của Tòa án và thông báo, gửi cho anh.

Theo bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T thống nhất trình bày:

Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị M. Chị M kết hôn với anh Nguyễn Xuân H vào năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng đã sinh được 02 con chung Nguyễn Bảo D và Nguyễn Bảo P. Đến năm 2019, chị M đi làm ăn ở Cộng hòa liên bang Đức, còn anh H ở nhà nuôi con. Đến cuối tháng 5/2021, anh H cũng đi sang Cộng hòa liên bang Đức làm ăn cùng chị M. Sau khi anh H đi nước ngoài thì các cháu Nguyễn Bảo D và Nguyễn Bảo P ở với ông bà cho đến nay. Tháng 8/2021 chị M gọi điện về thông báo việc mâu thuẫn vợ chồng phải ly hôn. Về phía gia đình, đã điện thoại sang khuyên vợ chồng nên suy nghĩ kỹ vì tương lai của con cái nhưng không có kết quả, gia đình tôn trọng ý kiến của vợ chồng.

Hiện các cháu đang được ông bà trông nom, chăm sóc. Chị M có nhờ ông bà tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Ông bà cam kết sẽ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đảm bảo đầy đủ, chu đáo cho đến khi chị M về Việt Nam với các cháu. Về phía ông bà không yêu cầu về công sức chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Do dịch bệnh Covid 19, hạn chế đi lại, tiếp xúc nên ông bà đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt tại phiên tòa. Việc chị M nhờ ông bà nộp tài liệu và nhận các văn bản của Tòa án thì ông bà đồng ý và sẽ có trách nhiệm thông báo, gửi cho chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Xuân H hiện đang cư trú tại nước Cộng hòa liên bang Đức. Chị M làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh H; trước xuất cảnh, chị M và anh H có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Xuân H không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài và các đương sự không yêu cầu hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị M hiện đang cư trú tại nước Cộng hòa liên bang Đức nhưng đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H nộp đơn xin ly hôn, tài liệu, bản tự khai, giấy ủy quyền và đơn xin xét xử vắng mặt (được hợp pháp hóa lãnh sự, có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức) cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Xuân H hiện đang cư trú tại nước Cộng hòa liên bang Đức đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Quyền nộp bản tự khai, tài liệu (được hợp pháp hóa lãnh sự, có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức) cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam đã nộp bản tự khai cho Tòa án, nhưng do dịch bệnh Covid 19, hạn chế đi lại, tiếp

xúc nên đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chị M, anh H, ông Huy, bà Tuyết phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về các tài liệu và chứng cứ mà các bên đã cung cấp cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Xuân H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An vào ngày 24 tháng 3 năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2019, chị M đi xuất khẩu lao động sang nước Cộng hòa liên bang Đức. Sau khi ra nước ngoài một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống xa cách, vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau dẫn đến tình cảm dần mất đi. Đến cuối tháng 5/2021, anh H cũng sang nước Cộng hòa liên bang Đức làm ăn cùng chị M để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả. Do vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn nên chị M chuyển đến nơi khác sinh sống, làm ăn và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng. Hiện tại, chị M và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị M làm đơn xin ly hôn với anh H. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Xuân H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị M yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Xuân H có 02 con chung. Chị M và anh H thỏa thuận: Giao cho chị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con Nguyễn Bảo D, sinh ngày 15/8/2014 và Nguyễn Bảo P, sinh ngày 31/8/2017 đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Do anh H chưa có điều kiện kinh tế nên chị M không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị M đang ở nước ngoài nên ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T (bố mẹ đẻ của chị M) nhận trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Bảo D và Nguyễn Bảo P chu đáo cho đến khi chị M về Việt Nam với các cháu và không yêu cầu về công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 104 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Xuân H không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 104; Điều 122; Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 478; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Xuân H được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Xuân H có 02 con chung;

Giao cho chị Nguyễn Thị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Bảo D, sinh ngày 15/8/2014 và Nguyễn Bảo P, sinh ngày 31/8/2017 đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Do chị M đang ở nước ngoài nên ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T (bố mẹ đẻ của chị M) nhận trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Bảo D và Nguyễn Bảo P chu đáo cho đến khi chị M về Việt Nam với các cháu.

Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Chị Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Xuân H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Xuân H không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị M đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011459 ngày 07/10/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Nguyễn Thị M đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Xuân H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã H, H. H;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quỳnh